

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG ĐỨC TÍN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG ĐỨC TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC TIN MECHANICAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DUC TIN MECHANICAL CONSTRUCTION JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702576985

**3. Ngày thành lập:** 30/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

T9/1 Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(Không sản xuất, gia công tại trụ sở chính; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                  | 2592                                                         |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(Không sản xuất, gia công tại trụ sở chính; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                   | 2599                                                         |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100(Chính)                                                  |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321                                                         |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3320                                                         |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649                                                         |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662                                                         |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410                                                         |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659                                                         |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329                                                         |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4290                                                         |
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động tư vấn pháp lý)                                                                                                                                                                                                                        | 6619                                                         |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4669                                                         |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310                                                         |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330                                                         |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>(Trừ hoạt động bên thủy nội địa)                                                                                                                                                                                                                        | 4663                                                         |
| 17. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)                                                                                                                     | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HỮU VIỆT HÀ | Xóm 9, thôn La Châu, Xã Nghĩa Trung, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 260.000    | 2.600.000.000         | 52,000    | 212646662                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 260.000    | 2.600.000.000         | 52,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HÀ THỊ KIỀU DIỄM   | Xóm 2, thôn Tân Hội, Xã Nghĩa Trung, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 212649221                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN VĂN NGÔN      | Đội 1, Thôn Hiệp Phổ Bắc, Xã Hành Trung, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 190.000    | 1.900.000.000         | 38,000    | 212774370                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 190.000    | 1.900.000.000         | 38,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN VĂN NGÔN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 212774370

Ngày cấp: 29/10/2004

Nơi cấp: Công an Quảng Ngãi

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 1, Thôn Hiệp Phổ Bắc, Xã Hành Trung, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 148F/2, đường An Phú 24, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương